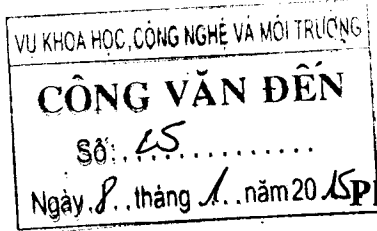


Số: 32 /2014/TT-BKHCN

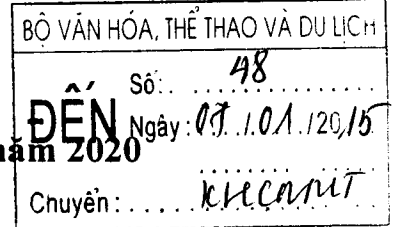
Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2014



THÔNG TƯ

Quy định quản lý Chương trình

phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020



Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) được phê duyệt tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, quản lý Chương trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thị trường khoa học và công nghệ* là môi trường pháp lý, đầu tư và thương mại thúc đẩy quan hệ giao dịch, trao đổi, mua bán các sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ được vận hành có sự định hướng, điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước.

2. *Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ* (sau đây gọi tắt là *tổ chức trung gian*) là tổ chức được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 và có chức năng quy định tại Điều 3 của Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

3. *Xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ* là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội, hỗ trợ giao dịch, trao đổi, mua bán sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ thông qua các hình thức như hội chợ, triển lãm, trình diễn, giới thiệu công nghệ của tổ chức ở trong và ngoài nước.

4. *Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình* (sau đây gọi tắt là *tổ chức chủ trì*) là tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. *Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình* là Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. *Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình* là Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là *Văn phòng các Chương trình quốc gia*) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. *Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020* (sau đây gọi tắt là *Ban Chủ nhiệm Chương trình*) là tổ chức tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác định phương hướng, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình trong từng giai đoạn.

Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình (sau đây viết tắt là *nhiệm vụ thuộc Chương trình*) nhằm hỗ trợ các hoạt động chính sau đây:

a) Nghiên cứu hoàn thiện, tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Xây dựng, nâng cao năng lực mạng lưới tổ chức trung gian;

c) Khai thác, phát triển và kết nối nguồn cung, nguồn cầu công nghệ;

d) Liên kết, hợp tác đầu tư thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ sản xuất kinh doanh;

đ) Nâng cao nhận thức xã hội, đào tạo nguồn nhân lực hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ thuộc Chương trình được thể hiện dưới các hình thức sau:

a) Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ nghiên cứu, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thị trường khoa học và công nghệ;

b) Dự án khoa học và công nghệ thúc đẩy quan hệ cung - cầu công nghệ, nâng cao năng lực tổ chức trung gian, phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ;

c) Hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ của sinh viên, học sinh, nhà khoa học trẻ tài năng, nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng, cơ sở nghiên cứu, đào tạo:

- Lập hồ sơ đơn đăng ký sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giải pháp kỹ thuật có tiềm năng thương mại hóa với điều kiện đơn được chấp nhận hợp lệ;

- Xây dựng phương án phân chia thu nhập trong giao quyền, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, góp vốn bằng giá trị kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ với điều kiện được bên liên quan chấp thuận.

Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm này không cần thực hiện quy trình thủ tục xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Chương III của Thông tư này và được phép thực hiện phương thức thanh toán trực tiếp với Văn phòng các Chương trình quốc gia theo Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính của Chương trình.

3. Hoạt động quản lý Chương trình bao gồm:

a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Văn phòng các Chương trình quốc gia và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Truyền thông, tập huấn, hướng dẫn thủ tục nộp hồ sơ, xây dựng thuyết minh đề tài, dự án; khảo sát, đánh giá, đề xuất đề tài, dự án tiềm năng;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ; tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình; xây dựng các báo cáo tổng kết; lấy ý kiến đánh giá về Chương trình;

d) Tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài;

đ) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 4. Dự án đầu tư thuộc Chương trình

1. Thủ tục thẩm định, tổ chức thực hiện, điều chỉnh nội dung tiến độ thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho các sàn giao dịch công nghệ công lập, trung tâm giao dịch công nghệ địa phương và các tổ chức trung gian công lập khác được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Nguyên tắc chung xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình

Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình tuân theo nguyên tắc sau đây:

1. Có nội dung phù hợp với nhiệm vụ chung của Chương trình được quy định trong Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Có mục tiêu rõ ràng, cụ thể và có tác động tích cực đến tăng trưởng giao dịch công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Có tính khả thi, trong đó tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện cần thiết về năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

4. Nội dung hoạt động đã được cấp kinh phí ngân sách nhà nước theo các nguồn khác để thực hiện thì không được xem xét hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước theo nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 6. Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình

Văn phòng các Chương trình quốc gia thực hiện việc ghi mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Thông tư này theo quy định sau:

TTKHCN.DA.XX-YY;

TTKHCN.ĐT.XX-YY;

TTKHCN.ĐA.XX-YY;

Trong đó:

TTKHCN là ký hiệu của Chương trình;

ĐA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức dự án;

ĐT là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề tài;

ĐA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề án;

XX là ký hiệu số thứ tự của hồ sơ đăng ký;

YY là ký hiệu năm tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

Ví dụ: TTKHCN.DA.01-2015 để chỉ hồ sơ đăng ký dưới dạng dự án số 01 được tiếp nhận vào năm 2015 thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN, NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 7. Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Mục tiêu, nội dung và sản phẩm nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình;

c) Có đội ngũ chuyên gia có năng lực nghiên cứu và đưa ra giải pháp khả thi cho những vấn đề thực tiễn để phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về cơ chế quản lý, chức năng bộ máy quản lý nhà nước phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Nghiên cứu đề xuất biện pháp tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tham gia giao dịch công nghệ;

c) Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ tiêu phục vụ điều tra, khảo sát, thống kê, báo cáo, đánh giá năng lực cung và cầu công nghệ;

d) Nghiên cứu xây dựng quy hoạch, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới tổ chức trung gian, khuyến khích phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ;

đ) Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao nhận thức về thị trường khoa học và công nghệ;

e) Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy quan hệ cung - cầu công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức trung gian;

g) Nghiên cứu đề xuất cơ chế hợp tác công tư, liên kết giữa tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà tư vấn để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

h) Nghiên cứu đổi mới hoạt động của hệ thống quỹ khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm phục vụ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

i) Nghiên cứu đổi mới quy trình, thủ tục đăng ký thành lập và hoạt động của tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;

k) Nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 8. Dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ

Tiêu chí, điều kiện lựa chọn và nội dung hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, sàn giao dịch công nghệ vùng, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dự án đầu tư phát triển.

Điều 9. Dự án thành lập và phát triển hoạt động của tổ chức trung gian

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Đối với tổ chức đã thành lập phải có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có chức năng của tổ chức trung gian theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BKH-CN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ và đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm c và d Khoản này;

b) Đối với dự án thành lập tổ chức trung gian phải có tài liệu chứng minh khả năng đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ và đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm c và d Khoản này;

c) Có mạng lưới chuyên gia tư vấn, quan hệ đối tác tiềm năng để tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức trung gian;

d) Có kế hoạch kinh doanh, phương án tiếp cận, khai thác hiệu quả nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tư vấn, xây dựng, thẩm định đề án thành lập, nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của tổ chức trung gian;

b) Đào tạo kỹ năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặt hàng thực hiện dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thành lập, quản lý, điều hành tổ chức trung gian; đào tạo nhân lực chuyên môn cho tổ chức trung gian;

d) Hoạt động thuộc chức năng của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

Điều 10. Dự án xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ đối với dự án thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 19/2013/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Thông tư liên tịch số 49/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo các quy định pháp luật đối với dự án đầu tư phát triển.

3. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã thành lập thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 9 và Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, cộng tác viên có khả năng chuyên môn phù hợp với công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Có khung chương trình đào tạo, khung tài liệu giảng dạy phù hợp với mục đích, nhu cầu thực tiễn của đối tượng được đào tạo được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt hoặc chấp thuận.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về kỹ năng quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Đào tạo bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Biên soạn, phát hành tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu, tài liệu hướng dẫn giao dịch công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; cung cấp, hướng dẫn khai thác thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình trao đổi chuyên gia, thực tập viên để chia sẻ kinh nghiệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ giữa các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

Điều 12. Dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực chuyên môn hoặc có liên kết, hợp tác với tổ chức có đội ngũ nhân lực chuyên môn có năng lực đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ;

c) Xác định được tiêu chí đánh giá phù hợp với mục đích đánh giá;

d) Đề xuất được phương thức đánh giá khả thi và phù hợp với đặc điểm nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tìm kiếm, chọn lọc công nghệ, thông tin công nghệ từ cơ sở dữ liệu, mạng thông tin điện tử theo đặt hàng cung - cầu công nghệ;

b) Xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu về nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ và kết nối cung-cầu công nghệ;

c) Thiết lập, duy trì và phát triển các kênh thông tin tư vấn, cổng thông tin điện tử về giao dịch công nghệ (gồm cả techmart online), thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Đánh giá năng lực và khả năng khai thác nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

Điều 13. Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có khả năng xây dựng phương án, mô hình, giải pháp khả thi để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; hoặc

b) Tổ chức có khả năng đánh giá, xác định giá trị kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Xây dựng phương án thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ: chuyển giao công nghệ; đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ; ươm tạo công nghệ; ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; thành lập, góp vốn thành lập doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; cung cấp dịch vụ công phục vụ lợi ích cộng đồng, an sinh xã hội;

b) Xây dựng phương án đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ các hoạt động quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 14. Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực chuyên môn có khả năng thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Có kế hoạch hoạt động cụ thể và đảm bảo nguồn lực thực hiện dự án;

d) Xác định được cách thức, biện pháp đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin, xác định đối tượng tiềm năng của hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức hoặc tham gia chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo (Innovation Showcase), ngày hội đầu tư thương mại hóa công nghệ (Demo Day), ngày hội khởi nghiệp (Startup Day), ngày hội sáng tạo (Innovation Day), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa (Techshow) ở trong nước và nước ngoài, bao gồm các hoạt động sau:

- Hoạt động của chuyên gia tư vấn chỉ đạo, thiết kế mỹ thuật, trang trí tổng thể, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng;

- Lễ khai mạc, hoạt động của người dẫn chương trình, hỗ trợ kỹ thuật;

- Hoạt động của người tham gia, bao gồm đi lại, ăn ở, vận chuyển trang thiết bị, hàng mẫu, mô hình;

- Hoạt động của ban tổ chức, hội đồng tư vấn, hội đồng xét thưởng, chuyên gia tư vấn, nhà khoa học độc lập, người tham gia trưng bày gian hàng, các thành phần khác tham gia sự kiện;

- Thông tin liên lạc, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; lập dữ liệu điện tử để quảng bá sự kiện;

- In ấn tài liệu cần thiết (brochure, catalog, giấy mời...) của sự kiện;

- Dịch thuật; tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ;
- Thuê mặt bằng (bao gồm cả an ninh, bảo vệ, điện nước); dàn dựng gian hàng; trưng bày sản phẩm;
- Khen thưởng (bằng khen, giấy khen), giấy chứng nhận, phù hiệu, kỷ niệm chương; tổ chức lễ trao thưởng;
- Các hoạt động cần thiết khác.

c) Tư vấn, giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ của học sinh, sinh viên, nhà khoa học trẻ tài năng, nhóm nghiên cứu trẻ, nhóm khởi nghiệp tiềm năng; xây dựng, hoàn thiện mô hình, phương án sản xuất kinh doanh, tiếp thị, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Tư vấn, giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại hóa công nghệ mới, sản phẩm tạo ra từ công nghệ mới của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cá nhân nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Điều 15. Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ triển khai các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực, cộng tác viên có nghiệp vụ chuyên môn thực hiện các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Xác định được đúng nhu cầu, có mục tiêu cụ thể, chiến lược hoạt động rõ ràng;

d) Xác định được phương thức, dự kiến hiệu quả của hoạt động truyền thông; cách thức truyền thông có tính mới.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Xây dựng kịch bản, thu thập thông tin, triển khai nội dung chuyên môn của chương trình truyền thông (gồm cả chương trình phát thanh, phát hình, phóng sự, trò chơi, tọa đàm) về đổi mới sáng tạo, liên kết đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

b) Vinh danh, khen thưởng tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong đổi mới sáng tạo, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Truyền thông về việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình và các hoạt động khác để tăng hiệu ứng lan tỏa của Chương trình.

Chương III

XÁC ĐỊNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 16. Xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Trên cơ sở kế hoạch triển khai Chương trình, Ban Chủ nhiệm Chương trình xây dựng phương hướng, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình trong từng giai đoạn đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thành lập hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ, trong trường hợp cần thiết, lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định; tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ, thông qua Vụ Kế hoạch-Tổng hợp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 17. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với các đơn vị có liên quan đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, trong trường hợp cần thiết, lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập để thẩm định nội dung nhiệm vụ theo quy định.

2. Thủ tục thành lập hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, thủ tục lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập được thực hiện theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bao gồm những tài liệu sau:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-1-ĐƠN);

b) Thuyết minh đề án (Biểu B1-2d-TMĐA); Thuyết minh đề tài (Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH); Thuyết minh dự án (Biểu B1-2c-TMDA);

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-3-LLTC) và kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ đó (nếu có);

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN);

đ) Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài);

e) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) (Biểu B1-5-PHNC);

g) Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

Điều 18. Tổ chức thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Quy trình, hồ sơ, biểu mẫu thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình được thực hiện theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN.

2. Trong trường hợp có ý kiến không thống nhất trong thẩm định nội dung hoặc có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về việc xem xét lại nội dung nhiệm vụ, năng lực, điều kiện của tổ chức đề nghị giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện

thủ tục lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập về vấn đề liên quan trước khi trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét.

Điều 19. Phê duyệt tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ kết quả thẩm định nội dung đề xuất nhiệm vụ, năng lực và điều kiện của tổ chức đề nghị giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ, ý kiến chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập (nếu có), Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Văn phòng các Chương trình quốc gia, thông qua Vụ Kế hoạch-Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt tổ chức chủ trì, nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 20. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng các Chương trình quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tổ chức ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 21. Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ

Văn phòng các Chương trình quốc gia chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 22. Điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện

1. Đối với nội dung nhiệm vụ được giao khoán chi, tổ chức chủ trì căn cứ yêu cầu thực tế của công việc, chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi được giao khoán trong phạm vi tổng dự toán kinh phí được giao khoán phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đối với nội dung nhiệm vụ không được giao khoán chi, trên cơ sở văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Văn phòng các Chương trình quốc gia và các đơn vị chức năng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 23. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: tổ chức chủ trì thực hiện

nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Kết quả tự đánh giá là điều kiện để thực hiện đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia.

2. Đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia: Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Văn phòng các Chương trình quốc gia và các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Trên cơ sở kết luận của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, ý kiến tổ chức, chuyên gia độc lập (nếu có), Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4. Hồ sơ, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 24. Quản lý kinh phí, thanh lý hợp đồng, tài sản, kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Thẩm quyền, thủ tục quản lý kinh phí, nội dung và định mức kinh phí ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình.

2. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, đăng ký, lưu giữ, quản lý kết quả thực hiện nhiệm vụ, tài sản trí tuệ và các loại tài sản khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện Chương trình

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình được thực hiện theo Điểm b Khoản 1 Mục IV và Mục V, Điều 1 Quyết định số 2075/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình được thành lập và hoạt động theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

3. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ; tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ; thực hiện thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia kết quả thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4. Văn phòng các Chương trình quốc gia có trách nhiệm thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

5. Kinh phí cho toàn bộ hoạt động của Chương trình quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 3 của Thông tư này được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm cấp cho Văn phòng các Chương trình quốc gia.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn các tổ chức đăng ký tham gia, thực hiện Chương trình.

3. Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; quyết định phê duyệt và giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

4. Phê duyệt nội dung, kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ của Chương trình; hướng dẫn bộ, ngành, địa phương tự bố trí kinh phí lồng ghép và phê duyệt, tổ chức triển khai.

5. Phê duyệt nội dung và kinh phí hoạt động của Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hằng năm.

6. Phê duyệt kế hoạch, mục tiêu, nội dung, dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; đình chỉ và hủy bỏ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết; xử lý các vấn đề phát sinh từ các nhiệm vụ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

7. Phê duyệt quyết toán kinh phí của các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ; thống nhất với các đơn vị có liên quan về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thông qua Vụ Kế hoạch-Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

2. Tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

4. Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có biện pháp xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Tư vấn, hỗ trợ hoạt động giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ được tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình; báo cáo tình hình khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

7. Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Đề xuất các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo lĩnh vực quản lý liên quan; tạo điều kiện cho các tổ chức thực hiện có kết quả các nội dung nhiệm vụ được giao.

2. Bố trí kinh phí, quản lý việc tổ chức thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình được lồng ghép với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của

bộ, ngành, địa phương.

3. Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được phê duyệt.

4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi báo cáo về tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Chủ động việc huy động, sử dụng ngân sách nhà nước từ các nguồn khác nhau theo thẩm quyền quản lý để bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ một cách đồng bộ và hiệu quả.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ nhiệm và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

1. Xây dựng và triển khai các nội dung đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình; đề xuất với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ về các vấn đề phát sinh cần giải quyết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Văn phòng các Chương trình quốc gia trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo mục tiêu, nội dung và tiến độ đã đề ra.

3. Kiến nghị bằng văn bản với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ của Chương trình (6 tháng, hàng năm, sơ kết, tổng kết) và báo cáo quyết toán kinh phí với Văn phòng các Chương trình quốc gia.

5. Chủ nhiệm nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ theo thỏa thuận với tổ chức chủ trì.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2014.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận :

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, Cục PTTĐN.

KT. BỘ TRƯỞNG
VĂN PHÒNG
TRƯỞNG



Trần Văn Tùng